

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị

**Công trình: Khu nhà ở xã hội Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên,
tỉnh Bắc Giang, Việt Nam**

Hạng mục công trình: Nhà A15 và hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà

Số: 2019-P-FG-C022

Ngày ký Hợp đồng: 28.11.2018

GIỮA

CÔNG TY TNHH FUGIANG

VÀ

TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG



PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014;
- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
 - Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;
 - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
 - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;
 - Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 03 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về Hợp đồng tư vấn xây dựng;
 - Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;
 - Giấy phép xây dựng số 2673 /GPXD ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang v/v Cấp phép xây dựng;
- Các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan;
- Theo nhu cầu thực tế và khả năng của hai Bên.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

1. Chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH FUGIANG

Địa chỉ: Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông LIN, SHIH-CHANG

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Người đại diện được ủy quyền: Ông Huang, Ming-Tien

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Người liên hệ: Ông Trương Ngọc Tâm

Điện thoại: +84-986.085.717

Email: truongtam.fugiang@gmail.com

Mã số thuế: 2400390365

(Sau đây gọi tắt là “Bên A”)

2. Nhà thầu: TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG

Địa chỉ: Tầng 2, Trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp của các Sở, Ngành, đường Quách Nhất, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông **ĐỖ NGỌC THÀNH**

Chức vụ: Giám đốc

Người liên hệ: Ông Đỗ Văn Duy

Điện thoại: +84-204.3554.708/0904.621.078

Fax: +84-204.3554.716

Tài khoản giao dịch: 114.000.023.365 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang.

Mã số thuế: 2400 299571

(Sau đây gọi tắt là “**Bên B**”)

Sau khi thỏa thuận thống nhất, hai Bên đồng ý ký kết Hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình Nhà A11 và hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà, Khu nhà ở xã hội Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam (Sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) với các nội dung sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

- 1.1 “**Chủ đầu tư – Bên A**” là: Công ty TNHH Fugiang.
- 1.2 “**Nhà thầu – Bên B**” là: Trung tâm Giám định Chất lượng Xây dựng.
- 1.3 “**Dự án**” là: Dự án Khu nhà ở xã hội Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.
- 1.4 “**Hạng mục công trình**” là: Nhà A11 và hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà.
- 1.5 “**Gói thầu**” là: Gói thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị.
- 1.6 “**Đại diện Chủ đầu tư – Bên A**” là người được Bên A nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Bên A điều hành công việc.
- 1.7 “**Đại diện Nhà thầu – Bên B**” là người được Bên B nêu ra trong Hợp đồng hoặc được Bên B chỉ định và thay mặt Bên B điều hành công việc.
- 1.8 “**Nhà thầu phụ**” là tổ chức hay cá nhân ký Hợp đồng với Bên B để trực tiếp thực hiện công việc.
- 1.9 “**Hợp đồng**” là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị theo quy định tại **Điều 2 [Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên]**.
- 1.10 “**Bên**” là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
- 1.11 “**Ngày**” được hiểu là ngày dương lịch, và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

1.12 “Ngày làm việc” là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định của pháp luật.

1.13 “Bất khả kháng” được định nghĩa tại Điều 16 [Rủi ro và bất khả kháng].

1.14 “Luật” là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên.

2.1 Hồ sơ Hợp đồng bao gồm Hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị, và các tài liệu tại khoản 2.2 dưới đây.

2.2 Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

- a. Hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị;
- b. Văn bản thông báo trúng thầu;
- c. Biên bản thỏa thuận giá, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng;
- d. Các bản vẽ thiết kế, dự toán và các chỉ dẫn kỹ thuật;
- e. Các tài liệu khác có liên quan.

2.3 Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo Hợp đồng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2.2 Điều này.

Điều 3. Trao đổi thông tin

3.1 Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định, vv... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến Bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các Bên đã quy định trong Hợp đồng.

3.2 Trường hợp Bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho Bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu Bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho Bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

4.1 Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

4.2 Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung và khối lượng công việc tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình.

5.1 Nội dung và khối lượng công việc Bên B thực hiện được cụ thể như sau:

a) Thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân trong hệ thống quản lý chất lượng của Bên A, Bên B cho các Nhà thầu có liên quan biết để phối hợp thực hiện;

b) Kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng theo quy định tại Điều 107 của Luật Xây dựng;

c) Kiểm tra sự phù hợp năng lực của Nhà thầu thi công so với hồ sơ dự thầu và Hợp đồng xây dựng, bao gồm: Nhân lực, thiết bị thi công, phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, hệ thống quản lý chất lượng của Nhà thầu thi công;

d) Kiểm tra biện pháp thi công xây dựng của Nhà thầu thi công so với thiết kế, biện pháp thi công đã được phê duyệt;

e) Xem xét và chấp thuận các nội dung do Nhà thầu thi công đề xuất, và yêu cầu Nhà thầu thi công chỉnh sửa các nội dung này trong quá trình thi công cho phù hợp với thực tế và quy định của Hợp đồng;

f) Kiểm tra và chấp thuận vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình;

g) Kiểm tra, đôn đốc Nhà thầu thi công, và các Nhà thầu khác triển khai công việc tại hiện trường theo yêu cầu về tiến độ thi công của công trình;

h) Giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với các công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; giám sát các biện pháp đảm bảo an toàn đối với công trình lân cận;

i) Giám sát việc đảm bảo an toàn lao động theo quy định của quy chuẩn, quy định của Hợp đồng và quy định của pháp luật về an toàn lao động;

k) Đề nghị Bên A tổ chức điều chỉnh thiết kế khi có những sai sót, bất hợp lý về thiết kế;

m) Tạm dừng thi công đối với Nhà thầu thi công khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn; Chủ trì, phối hợp với các Bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình và phối hợp xử lý, khắc phục sự cố theo quy định;

l) Kiểm tra tài liệu phục vụ nghiệm thu; kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công;

n) Thực hiện nghiệm thu công việc xây dựng để chuyển bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công hoặc bộ phận công trình để Bên A được cấp Giấy chứng nhận mở bán nhà hình thành trong tương lai từ cơ quan chức năng có thẩm quyền;

p) Tổ chức nghiệm thu hạng mục, công trình hoàn thành để bàn giao đưa vào sử dụng cho Bên A, để được cấp văn bản chấp thuận nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng từ cơ quan chức năng có thẩm quyền.

5.2 Bên B phải lập và trình sản phẩm của Hợp đồng tư vấn giám sát bao gồm:

a) Báo cáo định kỳ: Cung cấp cho Bên A, Nhà thầu thi công các báo cáo định kỳ về các công việc do bộ phận thi công đã và đang thực hiện tại công trường, trong đó có báo cáo các công việc đã hoàn thành và được nghiệm thu trong kỳ báo cáo, nhận xét, đánh giá của bộ phận giám sát thi công về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

b) Báo cáo nghiệm thu từng hạng mục: Sau mỗi công đoạn thi công phải thực hiện công tác nghiệm thu bộ phận, hạng mục công trình đã hoàn thành để đánh giá về mặt kỹ thuật và chất lượng cũng như khối lượng công việc đã hoàn thành, nhận xét và đưa ra phương hướng thực hiện các công đoạn tiếp theo.

c) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bên A.

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn giám sát xây dựng

6.1 Chất lượng sản phẩm tư vấn giám sát xây dựng phải phù hợp với nội dung Hợp đồng đã ký kết giữa các Bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho Hợp đồng tư vấn giám sát xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của Hợp đồng phải được Bên B hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng.

6.2 Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn giám sát xây dựng của Hợp đồng là 06 (sáu) bộ.

Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn giám sát xây dựng

7.1 Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của Hợp đồng:

- a) Hợp đồng tư vấn giám sát xây dựng đã ký kết giữa các Bên.
- b) Hồ sơ báo cáo kết quả giám sát thi công xây dựng được duyệt.
- c) Nhiệm vụ và quy trình giám sát thi công xây dựng được duyệt.
- d) Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho Hợp đồng tư vấn giám sát xây dựng.

7.2 Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 03 (ba) lần:

- a) Lần 1: Sau khi Nhà thầu thi công hoàn thành phần móng.
- b) Lần 2: Sau khi Nhà thầu thi công hoàn thành phần thô.
- c) Lần 3: Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn giám sát xây dựng do Bên B cung cấp, Bên A căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn giám sát xây dựng.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng

8.1 Tiến độ thực hiện Hợp đồng: Phối hợp thực hiện theo tiến độ thi công các hạng mục công trình của Bên A.

8.2 Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, trường hợp Bên B hoặc Bên A gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng, thì một Bên phải thông báo cho Bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cũng như thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một Bên, Bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn Hợp đồng, các Bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

Điều 9. Giá Hợp đồng và thanh toán

9.1 Giá Hợp đồng

a) Giá Hợp đồng được xác định với số tiền là: **500.000.000** đồng (*Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn*).

b) Hình thức Hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

9.2 Nội dung của giá Hợp đồng

Nội dung của giá Hợp đồng bao gồm:

a) Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế và thuế giá trị gia tăng.

b) Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn giám sát xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

c) Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Bên A.

d) Chi phí khác có liên quan.

9.3 Tạm ứng: Không áp dụng.

9.4 Điều kiện thanh toán:

a) Lần 1: Sau khi cơ quan chức năng có thẩm quyền xác nhận Bên A đã hoàn thành phần móng công trình và hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà, và Bên A được cấp Giấy chứng nhận mở bán nhà hình thành trong tương lai, Bên A thanh toán 35% tổng giá trị Hợp đồng cho Bên B.

b) Lần 2: Sau khi Nhà thầu xây dựng hoàn thành thi công phần thô và được các Bên nghiệm thu, Bên A thanh toán 30% giá trị Hợp đồng cho Bên B.

c) Lần 3: Sau khi công trình của Bên A hoàn công, và được cấp Văn bản thông báo đủ điều kiện nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng, Bên A thanh toán 35% tổng giá trị Hợp đồng cho Bên B.

d) Bên B phải xuất hoá đơn hợp pháp cho Bên A với đúng giá trị xin thanh toán.

e) Bên B cung cấp đơn đề nghị thanh toán, Bên A sẽ xét duyệt trong vòng 10 (mười) ngày với điều kiện có đầy đủ các văn bản xin thanh toán, việc thanh toán sẽ được thực hiện trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoá đơn và các chứng từ thanh toán hợp lệ của Bên B.

f) Bên A thanh toán bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Bên B, trường hợp Ngân hàng mở tài khoản của Bên B không cùng hệ thống Ngân hàng chuyển tiền của Bên A, thì phí thủ tục chuyển tiền do Bên B chịu.

g) Bên A sẽ tự động khấu trừ mọi chi phí bồi thường thiệt hại, tiền phạt vi phạm Hợp đồng trong giá trị phải thanh toán.

h) Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.

9.5 Hồ sơ thanh toán gồm:

a) Đơn xin thanh toán theo quy định của Bên A.

b) Biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành theo Hợp đồng.

c) Giấy đề nghị thanh toán của Bên B, hóa đơn GTGT.

d) Biên bản thanh lý Hợp đồng (nếu có).

Điều 10. Điều chỉnh Hợp đồng

10.1 Điều chỉnh khối lượng công việc

a) Trường hợp Bên A có yêu cầu thay đổi phạm vi công việc (tăng, giảm) trong Hợp đồng thì đối với khối lượng công việc này các Bên thỏa thuận điều chỉnh tương ứng.

b) Đối với khối lượng phát sinh ngoài phạm vi Hợp đồng đã ký kết mà chưa có đơn giá trong Hợp đồng, thì được xác định trên cơ sở thỏa thuận Hợp đồng và quy định pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Các Bên phải ký kết Phụ lục Hợp đồng làm cơ sở cho việc thanh toán, quyết toán Hợp đồng.

10.2 Điều chỉnh giá Hợp đồng: Nếu phát sinh tăng, giảm chi phí dẫn đến điều chỉnh giá Hợp đồng, thì hai Bên tiến hành thỏa thuận để xác định giá trị phát sinh này. Các Bên phải ký kết Phụ lục Hợp đồng làm cơ sở cho việc thanh toán, quyết toán Hợp đồng.

10.3 Điều chỉnh các nội dung khác của Hợp đồng này thì các Bên thống nhất điều chỉnh trên cơ sở các thỏa thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

11.1 Quyền của Bên B:

a) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận Hợp đồng (nếu có).

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Bên A, hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi Hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

e) Kiến nghị Bên A tạm dừng thi công đối với Nhà thầu thi công khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không bảo đảm an toàn.

f) Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

11.2 Nghĩa vụ của Bên B:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

b) Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng cùng Bên A theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám sát tác giả.

c) Bảo quản và giao lại cho Bên A những tài liệu và phương tiện làm việc do Bên A cung cấp theo Hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

d) Thông báo ngay bằng văn bản cho Bên A về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà Hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của Hợp đồng:

Bên B phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá Hợp đồng, hoặc trách nhiệm của Bên B theo Hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Bên B trong việc thực hiện công việc tư vấn giám sát xây dựng được quy định trong Hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Bên B để hoàn thành công việc tư vấn giám sát xây dựng theo các điều khoản được quy định trong Hợp đồng, thì Bên B phải chịu trách nhiệm.

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho Hợp đồng và đảm bảo rằng nhân lực của Bên B và Nhà thầu phụ (nếu có) sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nộp cho Bên A các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Bên B thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn giám sát xây dựng có thể làm chậm trễ, hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Bên B có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn giám sát xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Bên A, hoặc cơ quan chức năng có thẩm quyền tổ chức.

k) Sản phẩm tư vấn giám sát xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Bên B phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của Nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Bên A phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn giám sát xây dựng.

l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm nào theo yêu cầu của Bên A cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn giám sát xây dựng, cũng như ngày hoàn thành và bàn giao công trình.

m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng theo đúng thỏa thuận của Hợp đồng đã ký kết.

n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Bên A, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

p) Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của Bên A.

q) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết.

r) Trường hợp không được cấp phép như: Chứng nhận mở bán nhà hình thành trong tương lai, Chứng nhận nghiệm thu và sử dụng cho công trình mà do lỗi của Bên B, thì Bên A sẽ không phải chi trả bất cứ phí nào cho Bên B, và Bên B sẽ phải chịu phạt với mức phạt vi phạm quy định của pháp luật có liên quan, cũng như bồi thường mọi tổn thất gây ra cho Bên A từ việc không được cấp phép nói trên.

s) Bảo quản và giao lại cho Bên A những tài liệu và phương tiện làm việc do Bên A cung cấp theo Hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có). Bên B phải bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của Bên A, không được phép tiết lộ cho người thứ ba hay chuyển nhượng các tài liệu... mà Bên A giao cho Bên B. Nếu phát sinh tình huống trên và gây tổn thất kinh tế cho Bên A, Bên A có quyền yêu cầu Bên B bồi thường mọi tổn thất.

t) Tất cả sản phẩm cuối cùng khi bàn giao cho Bên A phải phù hợp với Hợp đồng, có đủ căn cứ pháp lý và được Bên A nghiệm thu. Sản phẩm giao nộp cuối cùng theo Hợp đồng sẽ là tài sản của Bên A.

v) Khi cần phải tiến hành các công việc trình các cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Bên B phải phối hợp cung cấp các tài liệu chứng nhận tư cách hành nghề hợp pháp của Công ty hay của nhân viên thực hiện của Bên B; đóng dấu hoặc ký tên trên các tài liệu xin phép có liên quan và hoàn thành mọi thủ tục xin phép để được cấp phê duyệt (nếu có).

u) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

12.1 Quyền của Bên A:

- a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn giám sát xây dựng theo Hợp đồng.
- b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn giám sát xây dựng không đạt chất lượng theo Hợp đồng.
- c) Kiểm tra chất lượng công việc của Bên B nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Bên B.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận Hợp đồng.

đ) Yêu cầu Bên B thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

e) Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

12.2 Nghĩa vụ của Bên A:

a) Cung cấp cho Bên B thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong Hợp đồng (nếu có).

- b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo Hợp đồng.
- c) Giải quyết kiến nghị của Bên B theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện Hợp đồng đúng thời hạn do các Bên thỏa thuận trong Hợp đồng.
- d) Thanh toán đầy đủ cho Bên B theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong Hợp đồng.
- đ) Hướng dẫn Bên B về những nội dung liên quan đến dự án và hồ sơ mời thầu (hoặc hồ sơ yêu cầu); tạo điều kiện để Bên B được tiếp cận với công trình, thực địa.
- e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Bên B.
- g) Tạo điều kiện cho Bên B thực hiện công việc tư vấn giám sát xây dựng.
- h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Bên B nếu Bên A cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của Hợp đồng.
- i) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

Điều 13. Nhân lực của Bên B

13.1 Nhân lực của Bên B phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng theo quy định.

13.2 Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong Phụ lục Hợp đồng. Trường hợp thay đổi nhân sự, Bên B phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Bên A, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Bên A không có ý kiến về nhân sự thay thế, trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên B, thì nhân sự đó coi như được Bên A chấp thuận.

13.3 Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay thế nhân sự, nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Bên A, hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong Hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên B phải gửi văn bản thông báo cho Bên A trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Bên B chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

13.4 Bên B có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết, nhưng không làm tăng giá Hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Bên A chấp thuận.

13.5 Bên B tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Bên B không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá Hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 14. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

14.1 Bên B sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Bên A được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp đồng mà không cần phải xin phép Bên B.

14.2 Bên B phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Bên B thực hiện và cung cấp cho Bên A không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc Bên thứ ba nào.

14.3 Bên A sẽ không, chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay Bên thứ ba nào khác.

Điều 15. Bảo hiểm

Bên B phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 16. Rủi ro và bất khả kháng

16.1 Trách nhiệm của các Bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá Hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra, Bên B phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm, thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá Hợp đồng.

c) Bên B phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Bên A đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Bên A phải bồi thường những tổn hại cho Bên B đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra,

16.2 Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một Bên gặp tình trạng bất khả kháng, thì phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ Hợp đồng.

16.3 Trách nhiệm của các Bên đối với bất khả kháng

a) Nếu Bên B bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo Hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của Hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc, và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Bên B sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của Hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong Hợp đồng.

b) Bên A phải xem xét, quyết định các đề nghị của Bên B.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ Bên nào cho Bên kia theo Hợp đồng.

16.4 Chấm dứt Hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm.

a) Nếu việc thực hiện các công việc của Hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của Hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai Bên có quyền gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng cho Bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Bên A sẽ phải thanh toán cho Bên B:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong Hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Bên A, hoặc những thứ Bên A có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Bên A khi đã được Bên A thanh toán, và Bên B sẽ để cho Bên A sử dụng.

Điều 17. Tạm ngừng công việc trong Hợp đồng

17.1 Tạm ngừng công việc bởi Bên A:

Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên A có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Bên B, Bên A phải nêu rõ phần lỗi của Bên B, và yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A do tạm ngừng công việc.

17.2 Tạm ngừng công việc bởi Bên B:

a) Nếu Bên A không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này, quá 28 (hai mươi tám) ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Bên A, Bên B có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Bên A thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Bên B phải thông báo cho Bên A để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Bên A xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

17.3 Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một Bên phải thông báo cho Bên kia biết bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai Bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

Điều 18. Chấm dứt Hợp đồng

18.1 Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A.

Bên A có thể chấm dứt Hợp đồng sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến Bên B. Bên A sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

a) Bên B không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo **Điều 8 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng]**, hoặc 45 (bốn mươi lăm) ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

b) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên A.

c) Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ, hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

d) Bên B từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại **Điều 19 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp]**.

e) Bên B cố ý trình Bên A các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Bên A.

f) Trường hợp bất khả kháng quy định tại **Điều 16 [Rủi ro và bất khả kháng]**.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A có thể thuê các Nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Bên A và các Nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

18.2 Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B.

Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên A tối thiểu là 30 (ba mươi) ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 45 (bốn mươi lăm) ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của Bên A.

b) Bên A không thanh toán cho Bên B theo Hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo **Điều 19 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp]** sau 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Bên A không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại **Điều 19 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp]**.

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Bên B không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 30 (ba mươi) ngày.

đ) Bên A bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ, hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ, hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

18.3 Khi chấm dứt Hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các Bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

18.4 Khi một trong hai Bên chấm dứt Hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt Hợp đồng, Bên B sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

18.5 Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo **Điều 9 [Giá hợp đồng và thanh toán]** cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác...).

Điều 19. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp.

19.1 Khi một Bên phát hiện Bên kia thực hiện không đúng, hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng, thì có quyền yêu cầu Bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó, Bên phát hiện có quyền khiếu nại Bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 07 (bảy) ngày. Nếu những căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của Bên kia.

Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với Hợp đồng đã ký, Bên phát hiện phải thông báo ngay cho Bên kia về những nội dung đó, và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này, nếu không Bên nào có khiếu nại, thì các Bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, Bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó, hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của Bên kia là không phù hợp với Hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này, nếu Bên nhận được khiếu nại không có ý kiến, thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do Bên kia đưa ra.

19.2 Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Tuy nhiên, nếu sau quá trình thương lượng mà vẫn không giải quyết được vấn đề tranh chấp, thì một trong các Bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên. Án phí và các chi phí giải quyết tranh chấp sẽ do Bên thua kiện thanh toán.

19.3 Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 20. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng.

20.1 Quyết toán Hợp đồng.

Trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Bên A rằng Bên B đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng, Bên B sẽ trình cho chủ đầu tư 03 (ba) bộ tài liệu quyết toán Hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn giám sát.
- b) Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- c) Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Bên A phải thanh toán cho Bên B.

Sau khi hai Bên đã thống nhất tài liệu quyết toán, Bên A sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của Hợp đồng cho Bên B.

20.2 Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày các Bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Điều 21. Điều khoản chung.

Các Bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của Bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng; Không Bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các Bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng này được lập thành 05 (năm) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 03 (ba) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG MING TIEN**



**GIÁM ĐỐC
KTS. ĐỖ NGỌC THÀNH**

Công ty TNHH FuGiang

Địa chỉ: Khu công nghiệp Vân Trung, Việt Yên, Bắc Giang.

工程案号:

MÃ SỐ CÔNG TRÌNH:

Bản A 版

鴻海科技集團

TẬP ĐOÀN KHOA HỌC KỸ THUẬT HỒNG HẢI

CÔNG TRÌNH: TƯ VẤN GIÁM SÁT XÂY DỰNG - THIẾT BỊ CHO NHÀ A15 KHU NHÀ Ở XÃ HỘI VÂN TRUNG, VIỆT YÊN, BẮC GIANG.

工程: 越南北江雲中工業區龍城社會住宅區A15棟土建、機電設備監理諮詢

工程總價合同

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG TỔNG GIÁ TRỊ CÔNG TRÌNH

決標總價: 柒亿越南盾 (VND500,000,000.00盾)

TỔNG GIÁ TRỊ CHỐT THẦU: Năm trăm triệu đồng. (500,000,000.00 VNĐ)

富江責任有限公司

建築質檢中心

CÔNG TY TNHH FUGIANG

TT GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG

主管:

单位(盖章):

CHỦ QUẢN

ĐƠN VỊ (ĐÓNG DẤU)

编制人:

法人:

NGƯỜI LẬP

PHÁP NHÂN

编制日期: 2019 09 26

承办:

NGÀY LẬP

THỰC HIỆN



GIÁM ĐỐC
KTS. ĐỖ NGỌC THÀNH

BẢNG PHỤ LỤC GIÁ TRỊ CÔNG TRÌNH

CÔNG TRÌNH: TƯ VẤN GIÁM SÁT XÂY DỰNG - THIẾT BỊ CHO NHÀ A15 KHU NHÀ Ở XÃ HỘI VẠN TRUNG, VIỆT YÊN, BẮC GIANG.
工程：越南北江雲中工業區龍城社會住宅區A15棟土建、機電設備監理諮詢

序号 TT	项目名称 TÊN HÀNG MỤC	项目特征描述 MIÊU TẢ ĐẶC TRƯNG HÀNG MỤC	单位 ĐƠN VỊ	工程数量 KL CÔNG TRÌNH	单价 ĐƠN GIÁ	合价(VND) SỐ TIỀN (vnd)	备注 GHI CHÚ
I	Chi phí tư vấn giám sát xây dựng - Thiết bị	<p>Tổng giá trị đã bao gồm các chi phí: An排工程師到工地監理工程质量的費用 1. Chi phí tư vấn giám sát trên công trường; 2. 试验室、搅拌站能力检查的报告建立 3. 检查厂商能力、厂商品质管理系统、施工措施的报告建立 Lập báo cáo kiểm tra năng lực Phòng thí nghiệm + Trạm trộn; Lập báo cáo kiểm tra năng lực Nhà thầu + Hệ thống quản lý chất lượng Nhà thầu + Biện pháp thi công; 4. 具备开工报告建立 Lập báo cáo đủ điều kiện khởi công; 5. 地下部分、主体部分、装修部分、技术系统和工程完工完成建立咨 詢作业之报告建立 Lập báo cáo công tác Tư vấn Giám sát hoàn thành Phần ngầm + Thân Thô + Hoàn thiện + Hệ thống kỹ thuật + Hoàn thành công trình; 6. 提供合格人力签名工程文件和完善建筑工程文件之費用 Chi phí cung cấp nhân sự đủ năng lực hồ sơ và hoàn thiện hồ sơ xây dựng. 7. 此費用已含A15棟土建地塊的基礎設施部分之監理費用； Chi phí này đã bao gồm chi phí giám sát cho phần hạ tầng kỹ thuật thuộc thuộc lô đất xây dựng cho các tòa nhà A15; 8. 此費不包工費，包設計費，包材料費，包人工費，包機具費，包運輸費，包 vệ thi công với thực tế thi công. 9. 其他費用无列入保证其工程具有办理解收的条件及进入使用（得到 国家机关同意验收进入使用的批文） Các chi phí khác không liệt kê đảm bảo công trình đủ điều kiện nghiệm thu và đưa vào sử dụng (Có được chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước về nghiệm thu và đưa vào sử dụng); 10. 監理咨詢工作責任和範圍在建設法、議定、通知及現行文件的具體 規定； Trách nhiệm và phạm vi công việc của Tư vấn giám sát được quy định cụ thể trong Luật xây dựng, Nghị định, thông tư và các văn bản hiện hành khác.</p>			454,545,500.00		
I	A15棟土建、機電設備監理諮詢費用（包含消防 部分） Chi phí Tư vấn giám sát xây dựng - thiết bị cho nhà A15 (Bao gồm cả phần PCCC)		式 Khoản	1.00	454,545,500.00	454,545,500.00	建築總面積：7,477.1m ² ；地下 室面積：391.1m ² Tổng diện tích sàn: 7,477.1m ² ; Diện tích tầng hầm: 391.1m ²
II	增值稅 Chi phí thuế VAT		包乾 Trọn gói	1.00	45,454,550.00	45,454,550.00	

BẢNG PHỤ LỤC GIÁ TRỊ CÔNG TRÌNH

CÔNG TRÌNH: TƯ VẤN GIÁM SÁT XÂY DỰNG - THIẾT BỊ CHO NHÀ A15 KHU NHÀ Ở XÃ HỘI VÂN TRUNG, VIỆT YÊN, BẮC GIANG.
工程：越南北江雲中工業區龍城社會住宅區A15棟土建、機電設備監理諮詢

序号 TT	项目名称 TÊN HÀNG MỤC	项目特征描述 MIÊU TẢ ĐẶC TRƯNG HÀNG MỤC	单位 ĐƠN VỊ	工程数量 KL CÔNG TRÌNH	单价 ĐƠN GIÁ	合价(VND) SỐ TIỀN (vnd)	备注 GHI CHÚ
	合計 TỔNG CHI PHÍ (I+II)					500,000,000.00	

主管

(Handwritten signature)

检查者

(Handwritten signature)
- 2024

承办

(Handwritten signature)

